

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-4-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long

Bà Phạm Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐ-ST ngày 08/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị B, sinh ngày 04/3/1993 (xin vắng mặt)

HKTT: tổ dân phố Mạc 2, thị trấn Phồn Xương, huyện YT, tỉnh B.

Hiện đang làm việc tại: Số 372, Đoạn 3, đường An Trung, quận An Nam, thành phố Đài Loan, Đài Loan

Chị B ủy quyền cho bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968. Địa chỉ: tổ dân phố Mạc 2, thị trấn Phồn Xương, huyện YT, tỉnh B là người nhận và nộp thay các văn bản tố tụng với Tòa án.

2. Bị đơn: Anh Hoàng TA, sinh ngày 11/11/1992 (xin vắng mặt)

HKTT: Tổ dân phố Thành Chung, thị trấn Phồn Xương, huyện YT, tỉnh B.

B.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968

Địa chỉ: tổ dân phố Mạc 2, thị trấn Phồn Xương, huyện YT, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Ngô Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Anh, chị đăng ký kết hôn ngày 07/7/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phồn Xương, huyện YT, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị về nhà TA Anh làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, tháng 12 năm 2016 chị bỏ về nhà đẻ sinh sống. Tháng 3 năm 2018 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị đi lao động tại nước ngoài không bàn bạc hay thông báo cho anh TA biết. Kể từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống chị không liên lạc gì với anh TA. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo anh, chị về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 12 năm 2016 đến nay chị và anh TA không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng TA.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Hoàng Văn Minh, sinh ngày 31/01/2015. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị và mẹ đẻ chị. Chị lao động tại nước ngoài nhưng thường xuyên về thăm con. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Chị không yêu cầu anh Hoàng TA phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng TA là bị đơn trình bày: Anh và chị B được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 07/7/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phồn Xương, huyện YT, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì chị B bỏ đi, anh không nắm rõ. Kể từ đó anh và chị B rất ít khi liên lạc với nhau. Chị B đi lao động tại nước ngoài anh không được biết. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng theo anh đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Hoàng Văn Minh, sinh ngày 31/01/2015. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà ngoại. Nếu ly hôn anh đề nghị được giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị S trình bày: Trước khi kết hôn hai anh TA, chị B được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới

theo phong tục của địa phương. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phồn Xương (nay là thị trấn Phồn Xương), huyện YT, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị B về nhà anh TA làm dâu ngay. Được khoảng 02 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, tháng 12 năm 2016 chị B bỏ về sinh sống cùng bà. Tháng 3 năm 2018 cháu B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Bà nhiều lần khuyên bảo anh, chị về đoàn tụ nhưng chị B xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Anh Tuấn Ánh, chị B có 01 con chung là cháu Hoàng Văn Minh, sinh ngày 31/01/2015. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà và do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị B đi lao động hiện sắp về nước nên bà đề nghị Tòa án giao con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi chị B về nước. Bà đảm bảo cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần. Bà không đề nghị anh TA, chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu Hoàng Văn Minh có đơn trình bày: Cháu hiện đang ở cùng mẹ và bà ngoại, được mẹ và bà ngoại chăm sóc nuôi dưỡng tốt vì vậy nêu bố mẹ các cháu ly hôn các cháu xin ở cùng với mẹ và bà ngoại.

Tại phiên tòa, chị Ngô Thị B, anh Hoàng TA vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Ngô Thị B, anh Hoàng TA, các biên bản làm việc và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị B, anh TA là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị B.

Xử cho chị Ngô Thị B được ly hôn anh Hoàng TA.

Về con chung: Anh TA là người có nhân thân xấu, không có công việc ổn định nên nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn Minh cho đến khi chị B về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, công nợ: Do anh TA không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Ngô Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Ngô Thị B là nguyên đơn hiện đang lao động tại Đài Loan (có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc). Chị B và anh TA đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh B. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt đương sự: chị Ngô Thị B là nguyên đơn, anh Hoàng TA đều xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Ngô Thị B, anh Hoàng TA.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị B và anh Hoàng TA kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/7/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phồn Xương, huyện YT, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng TA.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thị B với anh Hoàng TA. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị B và anh TA chung sống với nhau hòa thuận được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị B bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống một thời gian thì đi lao động tại Đài Loan. Kể từ khi bỏ về nhà đẻ sinh sống chị B và anh TA không còn liên lạc với nhau nữa. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng TA. Anh TA cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất chưa đến mức ly hôn. Tại các biên bản làm việc với chính quyền địa phương, chính quyền địa phương cung cấp: sau khi kết hôn khoảng 02 năm thì không thấy chị B chung sống cùng anh TA nữa. Kể từ thời điểm đó đến nay không thấy chị B sinh sống tại gia đình anh Hoàng TA. Do đó, cần xác định vợ

chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B. Xử cho chị B được ly hôn anh Hoàng TA là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Chị B và TA có 01 con chung là Hoàng Văn Minh, sinh ngày 31/01/2015. Hiện nay đang sinh sống cùng mẹ đẻ chị B và chị B.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh TA: Theo tài liệu trong hồ sơ thể hiện năm 2020 anh TA đã bị Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh B xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hiện nay anh TA đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố B, tỉnh B khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can đối với Hoàng TA về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”. Như vậy, xác định anh TA là người có nhân thân rất xấu và việc giao con chung cho anh TA sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần của con chung. Ngoài ra, anh TA không có thu nhập ổn định, con chung từ khi sinh ra đến nay đều do bà ngoại là bà S và chị B chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện tại đang sinh sống cùng bà ngoại. Từ những phân tích nêu trên xét thấy anh TA không đủ điều kiện đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu nuôi con chung sau ly hôn của anh TA và như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh B.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị B: Chị B hiện đang lao động tại nước ngoài có thu nhập ổn định. Hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng chị thường xuyên về nước chăm sóc và thăm con. Mặt khác, cháu Minh trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại. **Tiến hành làm việc với mẹ đẻ chị B là bà Nguyễn Thị S, bà S trình bày: Chị B đến tháng 8/2022 chị về nước, hiện nay chị vẫn gửi tiền về để bà chăm lo cho cháu Minh, bà đồng ý trông nom cháu Minh cho đến khi chị B về nước, bà đề nghị Tòa án giao cháu Minh cho chị B nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi chị B về nước. Bà không đề nghị anh TA phải cấp dưỡng nuôi con chung.** Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị B đối với yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao cho chị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Văn Minh đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con chung nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh cho đến khi chị B về nước. Sau khi ly hôn anh Hoàng TA có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh TA thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Hoàng TA có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Ngô Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị B được ly hôn anh Hoàng TA.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Văn Minh, sinh ngày 31/01/2015 cho chị Ngô Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh cho đến khi chị B về nước. Anh Hoàng TA không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng TA không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở TA thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000292 ngày 14/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Ngô Thị B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Hoàng TA vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Ngô Thị B hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND TT. Phồn Xương, huyện YT, tỉnh B;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hường

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tuyết Trinh Lý Đình Đạt

Hoàng Thị Hải Hường